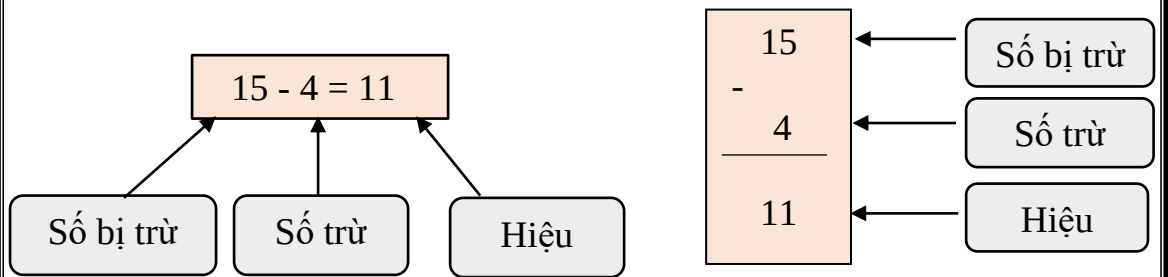


Họ tên:.....Lớp:.....

TOÁN – BÀI : SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU

I. Bài mới:

*** Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép tính:**



*** 15 – 4 = 11 cũng gọi là hiệu**

*** Tính hiệu là thực hiện phép tính trừ, mỗi phép tính thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính).**

Ví dụ: Tính hiệu của 9 và 5

Phép trừ tương ứng là: 9 - 5 = 4

$$\begin{array}{r} 9 \\ - 5 \\ \hline 4 \end{array}$$

Học sinh chỉ vào tên phép trừ đã viết và gọi tên các thành phần:

*** 9 là số bị trừ, 5 là số trừ**

4 là hiệu

II. Luyện tập:

1: Đặt tính rồi tính hiệu:

a) Số bị trừ là **63**, số trừ là **20**

.....
.....
.....

b) Số bị trừ là **35**, số trừ là **15**

.....
.....
.....

c) Số bị trừ là **78**, số trừ là **52**

.....
.....
.....

d) Số bị trừ là **97**, số trừ là **6**

.....
.....
.....

2. Tính nhẩm:

$2 + 8 = \dots\dots\dots$

$30 + 50 = \dots\dots\dots$

$86 + 0 = \dots\dots\dots$

$10 - 8 = \dots\dots\dots$

$80 - 50 = \dots\dots\dots$

$89 - 9 = \dots\dots\dots$

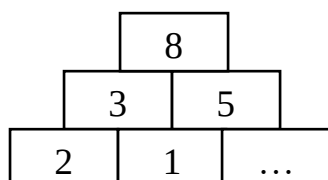
$10 - 2 = \dots\dots\dots$

$80 - 30 = \dots\dots\dots$

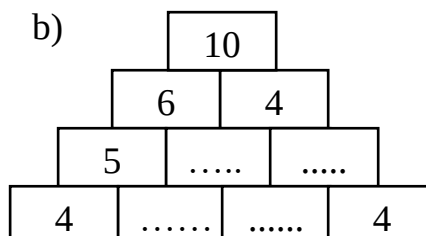
$89 - 0 = \dots\dots\dots$

Bài 3: Số?

a)

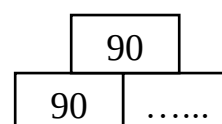
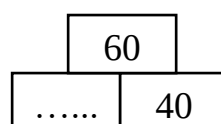
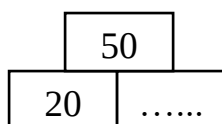
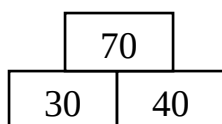


b)



Bài 4: Số?

Mẫu:



(Các em quan sát bài mẫu, sau đó viết số vào ô trống)

Bài 5: Tìm bó cỏ cho bò.



(Các em không cần vẽ hình chỉ cần làm theo ví dụ)

VD: Bò số 2 tìm bó cỏ : *Hiệu của 17 và 15*

Bò số 2 tìm bó cỏ:.....;

.....

Bò số 5 tìm bó cỏ:.....;

.....

